

Hành trình của khối tài liệu

Châu bản triều Nguyễn và Địa bạ Nam kỳ 1836

Nguyễn Hữu Hiếu - Nguyễn Thanh Thuận

CÙNG NHƯ CÁC QUỐC GIA ĐỘC LẬP CÓ CHỦ QUYỀN KHÁC TRÊN THẾ GIỚI, NƯỚC TA CÙNG ĐANG SỞ HỮU MỘT KHỐI VĂN THƯ LUU TRỮ KHỔNG LỒ, ĐƯỢC TÍCH LŨY QUA NHIỀU TRIỀU ĐẠI, THẾ CHẾ CHÍNH TRỊ; MẶC DÙ KHÔNG CÒN ĐẦY ĐỦ NHƯ NÓ VỐN CÓ, NHUNG NÓ LÀ KHỐI TÀI SẢN VÔ CÙNG QUÝ BÁU, NÓ LÀ DI SẢN CỦA TIỀN NHÂN, LÀ BẢO VẬT QUỐC, CHÚA ĐUNG NHỮNG GÌ MÀ BAO THẾ HỆ TIỀN NHÂN MUỐN ĐỂ LẠI CHO HẬU THẾ.

1. Hiện nay, cơ quan vinh dự được giao cho nhiệm vụ quản bảo khối bảo vật này là Cục Văn thư-Lưu trữ nhà nước và khối di sản này được chia ra quản lý ở bốn Trung tâm (TT) Lưu trữ quốc gia (TTLT). TT.I và TT.III ở Hà Nội, TT.II ở TP.Hồ Chí Minh, TT.IV ở Đà Lạt, theo nội dung và đặc điểm của tài liệu⁽¹⁾.

Về tư liệu Hán Nôm, hiện nay được lưu trữ, bảo quản ở ba TT:

Trung tâm I đang quản lý khối tài liệu to lớn, khoản hơn 4.000m kệ chứa tư liệu, gồm các khối tư liệu: Khối tư liệu Hán Nôm; gồm *Châu bản*, *Địa bạ triều Nguyễn*, các sách do Quốc sử quán biên soạn in ấn, các sách ngự lâm của các hoàng đế trong thư viện hoàng gia trước đây cùng các phông sưu tập khác, như Nha Kinh lược Bắc kỳ, Nha huyện Thọ Xương, sưu tập thời Hồng Đức, Tây Sơn... Trung tâm II hiện đang lưu

trữ khối tài liệu Sổ bộ Hán Nôm (Các loại văn bản liên quan đến tình hình nộp thuế ở các địa phương từ 1819-1918). TT. III lưu trữ khối tài liệu bằng mộc bản

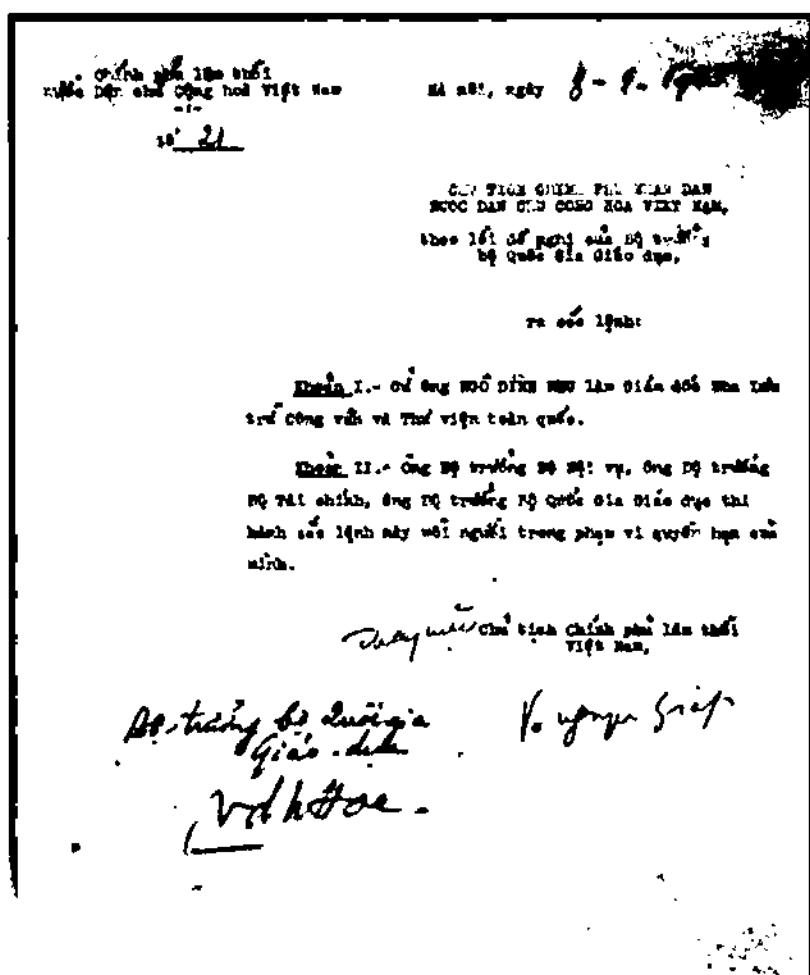
Đối với hai khối tư liệu *Châu bản triều Nguyễn* và *Địa bạ Nam kỳ 1836* là những tài liệu vô cùng quan trọng cho công tác nghiên cứu lịch sử văn hóa và cả kinh tế Nam bộ trong hai thế kỷ XVIII, XIX.

Châu bản là các văn bản thuộc thẩm quyền hoàng

để ban hành và các loại tâu sớ của các cơ quan trung ương (Nội các, Cơ mật viện, Quốc sử quán, Tôn nhân phủ, lục bộ...) hoặc của các tinh thần địa phương tâu lên được hoàng đế phê chuẩn bằng mực son tâu (châu phê). Nó là cơ sở chính thống để Quốc sử quán biên soạn các bộ lịch sử. Còn Địa bạ là sổ mô tả ghi chép về quyền sở hữu từng mảnh ruộng đất, với diện tích, từ cặn cụ thể của từng sở hữu chủ, khác với điện bạ là sổ tính thuế ruộng đất. Địa bạ làm một lần khi do đặc, còn điện bạ mỗi năm làm một lần. Trước cách mạng tháng Tám 1945, hai khối tài liệu này lưu trữ ở Tàng Thư Lâu (Huế).

2. Ở Việt Nam công tác lưu trữ được hình thành và phát

Sắc lệnh số 21 (8-9-1945) do ông Võ Nguyên Giáp ký



triển rất sớm cùng với các giai đoạn lịch sử của dân tộc. Kế thừa thành quả và kinh nghiệm của các triều đại trước, đến thời nhà Nguyễn mọi văn bản hình thành trong hoạt động của bộ máy nhà nước đều được lưu giữ bảo quản chu đáo. Tàng Thư Lâu và các cơ quan chuyên trách về lưu trữ được thành lập. Dưới thời Pháp thuộc, công tác lưu trữ ở nước ta đặt dưới sự quản lý tập trung quản lý theo kỹ thuật phương Tây. Năm 1917, Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương được thành lập, trực thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương, tổ chức lại các kho lưu trữ cùng với việc chỉ đạo và thanh tra công tác đặc biệt này.

Năm 1938, Ngô Đình Nhu⁽²⁾ về nước làm việc ở Văn khố

Phủ toàn quyền Đông Dương (Hà Nội). Năm 1943, ông được chuyển sang làm giám đốc Văn khố Tòa khâm sứ Huế. Về sau được Văn phòng Nam triều mời giữ chức chủ tịch hội đồng chỉnh đốn châu bản và văn khố nhà Nguyễn. Trong thời gian 3 năm, từ 1942 đến 1944, với vai trò Chủ tịch Hội đồng cứu nguy châu bản và Cố vấn kỹ thuật, Ngô Đình Nhu đã đóng góp một phần quan trọng vào việc tập trung tài liệu của 5 nguồn (Quốc Sử quán, Tàng Thư lâu, Nội các, Viện Cơ mật trước đó và Thư viện Bảo Đại) vào cơ quan Lưu trữ và Thư viện của chính phủ Nam triều.

Nhân thức được tầm quan trọng của công tác này, nên ngay khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký sắc lệnh cử Ngô Đình Nhu làm Giám đốc Nha Lưu trữ công văn và Thư viện Quốc gia tại Hà Nội. Ông phục vụ cho ngành lưu trữ đến năm 1946.

Trước khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) kết thúc, người Pháp có đưa một khối lớn văn thư lưu trữ của Việt Nam về Pháp hiện đang lưu trữ nhiều nơi trên đất Pháp, phần lớn tại Paris.

Trong thời gian sau khi Nhật đảo chính (9-3-1945) đến khi ký kết Hiệp định Genève (7-1954) các văn khố ở kinh đô Huế hầu như không người quản lý, không biết bao nhiêu văn bản hư mục, mất mát, đem bày bán làm giấy ván thuốc rẽ đầy rẫy ở nhiều chợ trên đất kinh đô Huế⁽³⁾.

Đến năm 1959, chính quyền Việt Nam Cộng hòa

BẢN SAO

凡武有文武佐新等詳聞諸祀為武惟揚節次
從我事狀所候該省道奉給類老少十一歲每月
米一方錢五貫照例貢使每年正月一歲奉
奉一吉典其妻生下一男號武忠成一歲安生
下一男武惟奉王成十歲曾又聘訪問所傳猶
人等自抗疏至紀大妙該三十八名氏列後附
卷目等稱想該督主所報亦係勸義獎忠起見

易賞示勸及既有數貢又詳人故已故而未付
卽復舊應俟該舉人有無授居平權以北如何另
行擬辦等因欵寄秋奉

陳批候後究請追報今悉衆聞合確追報賜祭亦好但
與武揚訪賞之款恐洋聞難掩但節賞等員他亦
聞想為政應然亦無礙不然存沒不齊有感于心
候此臣院遵奉密悉據督臣答報據千戶福肥

時追

至奉照本年五月日臣院奉到南人事狀請賞之
款有矣致內一枚胡敷索此忠直即督都先依均
係南人已故勢雖擬辦外其武揚貢平定候速
縣人請客容該省訪聞該員有無子孫如何具復

奏德武拾今年制月於制日據密院旨等
春前切四日接平富署督臣中文授盛復一本謹

Châu báu Tự Đức tập 120, tờ 135, về truy xét công trạng và thưởng cho thân nhân Thiên hộ Võ Duy Dương.
Nguồn: Trung tâm LTQG 1-Hà Nội

(VNCH) thành lập Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện toàn quốc trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục, cho chuyển tất cả châu bản, mộc bản, sách cổ và sách ngụ lâm về Đà Lạt để bảo quản trong điều kiện khí hậu tốt hơn Huế.

Ngày 28-1-1973, Thủ tướng VNCH đã ban hành Sắc lệnh số 18-SL/QVK/VH cài danh Nha Văn khố và Thư viện quốc gia thành Nha Văn khố quốc gia⁽⁴⁾. Đến tháng 3-1975, để bảo đảm an toàn cho các tài liệu lưu trữ trước sức tiến quân áo ạt của Quân Giải phóng, các tài liệu châu bản, địa bạ, sách cổ, sách ngụ lâm... vội vã chuyển về Sài Gòn.

Sau năm 1975, đáp ứng yêu cầu thống nhất xây dựng và phát triển công tác văn thư lưu trữ, năm 1976, Nha Văn khố quốc gia thuộc chính phủ VNCH bàn giao cho Sở Lưu trữ miền Nam (thuộc Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng) và ngay sau đó, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng thành lập kho Lưu trữ Trung ương II (thuộc Cục

Lưu trữ) đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đến năm 1991, để thống nhất quản lý các kho tư liệu trong phạm vi cả nước, các kho châu bản, địa bạ, sách cổ và sách ngụ lâm ở Trung tâm Lưu trữ II phải chuyển ra Hà Nội cho Trung tâm Lưu trữ I để bảo quản và xử lý kỹ thuật.

3. Đối với hoạt động học tập, phổ biến kiến thức, nghiên cứu về lịch sử, văn hóa và cả kinh tế về Nam bộ, khối tài liệu *Châu báu triều Nguyễn* và *Địa bạ Nam kỳ 1836* có vai trò quan trọng đặc biệt, có thể nói nó còn mang tính quyết định chất lượng của công trình, nếu khối tài liệu này được khai thác đúng mức. Tuy nhiên, trong thời gian qua, do nhiều yếu tố khách quan tác động, khối tài liệu này chưa phát huy được giá trị của nó.

Chính vì vậy mà có một số công trình nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, xã hội của xã hội và cá tính cách con người

Nam bộ có cái nhìn lệch lạc méo mó, không thật như đối tượng vốn có.

Với công trình nghiên cứu *Địa bạ Nam kỳ 1836* của nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu chỉ mang tính khái quát, nhưng cố giáo sư Phan Huy Lê đã đánh giá: "Anh Nguyễn Đình Đầu đi đầu trong việc khai thác kho tư liệu (*Địa bạ*) cực kỳ phong phú này... Kết quả nghiên cứu của nhà sử học Nguyễn Đình Đầu đặt lại một số vấn đề buộc các nhà khoa học phải kiểm tra lại, nhận thức cũ của mình"⁽⁵⁾. Từ công trình này Giáo sư Trần Văn Giàu nhận định: "Thật vậy, công trình này sẽ khép lấp một phần, một phần đặc biệt quan trọng trong sự tìm hiểu đất nước và dân tộc Việt Nam".

Đối với khối tài liệu *Châu báu triều Nguyễn*, đặc biệt là *Châu báu thời Tự Đức* có nhiều Châu báu liên quan đến công cuộc chống Pháp ở Nam kỳ; trước đây có rất ít nhà nghiên cứu, luận án sau đại học trong

nước có điều kiện tiếp cận. Gần đây được sự tạo điều kiện thuận tiện của Trung tâm LTQG1, chúng tôi tiếp cận được kho tư liệu này và sơ bộ trích chọn ra được gần 200 châu bản thuộc loại này; qua đó giúp chúng ta có cái nhìn khác với trước đây về thái độ của nhà Nguyễn trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp. Ở đây chúng tôi xin giới thiệu ba trong số châu bản nói trên:

Châu bản liên quan đến Nguyễn Trung Trực – Hồ Huân Nghiệp:

Dịch nghĩa:

“Chúng thần viễn Cơ mật tâu: Ngày tháng 12 năm ngoái, nhận được phiến tấu của quan Điện Nông sứ Phan Trung, căn cứ thám báo gửi về sự trạng tử tiết của Hồ Huân Nghiệp và Nguyễn Trung Trực, đã tâu trình đầy đủ lên, vâng được chầu phê: Xem xét lại cho rõ đầu đuôi sự trạng của 2 người đó, xuất thân từ đâu, từng làm quan chưa, theo người nào, làm việc gì, chết ngày nào mới có thể biết xứng đáng hay không, rồi tâu hết lên. Chúng thần đã lục giao thực hiện. Nay nhận được phúc của viên đó nói rằng, Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Trung Trực làm gì, chết ngày nào, thì hỏi các người Trung Nam đến nói không biết rõ. Xin chờ viên đó phái người do thám cho rõ xin sẽ phúc đáp”.

Châu bản liên quan đến Võ Duy Dương:

Dịch nghĩa:

“Viện Cơ mật tâu: Ngày mùng 4 tháng trước, tiếp nhận 1 bản mật phúc của Thự Tổng đốc Bình Phú là Thân Văn Nhiếp đã kính cẩn dâng lên. Vâng xét: Ngày tháng 5 năm nay,

原吏部員外郎兼算費司正隊長率隊植文實算
奏為承開事務于前寫嘉慶省新安府於嗣德於奉年迎見使者
有事借耕者坐於坐出力耕基墾耕五粒名確係耕求成實
從省而次往勒蒙特以例 賞授正隊品榮隊參同
欽文堂道自伊省失事流落村民全蘇活回客同歸本家錄列美報處
清底本色缺烏禁大變願從河億省蓋汎甚承聞

嗣德於奉年歲月初日
朝

李開國本字記

恭文質記

Châu bản Tự Đức tập 120, tờ 135, về truy xét công trạng và thưởng cho thân nhân Thiên hộ Võ Duy Dương. Nguồn: Trung tâm LTQG I-Hà Nội



Châu bản Tự Đức tập 364, tờ 6 về truy lục sự trạng tử tiết của Nguyễn Trung Trực, Hồ Huân Nghiệp. Nguồn: TT LTQG I-Hà Nội

viện thần vâng làm tờ phiến liệt kê công trạng người miền Nam xin cho thưởng, có ghi kèm: Võ Duy Dương quê huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định, xin mật tư về tinh ấy dò hỏi viên này có con cháu hay không, phúc trình đầy đủ để xét thưởng. Theo tờ tư của viên Đốc thám tinh ấy ghi: Người anh ruột của Dương là Võ Hữu Biểu, Võ Duy Tân khai rõ rằng em ruột của y là Võ Duy Dương cũng lần lượt theo làm việc quân. Lại tinh ấy đã cấp cho mẹ già (hiện nay 71 tuổi) mỗi tháng 1 phượng gạo và 5 quan tiền. Vợ cả của Dương sinh 1 con trai là Võ Duy Cung (hiện nay 11 tuổi), vợ lẽ sinh 1 con trai là Võ Duy Phụng (hiện nay 13 tuổi). Viên Đốc thám ấy lại đem những người chết vì việc nghĩa đã dò hỏi được từ Nguyễn Quang đến Nguyễn Thị Diệu gồm 38 người, liệt kê phía sau. Trong bản sách này Võ Duy Dương được đề nghị xét công đầu truy thụ Quản cơ chánh tú phẩm. Hai con còn nhỏ của ông ta xin được ghi tên đợi sau này trường thành sẽ do quan địa phương sở tại tâu xin được tập ấm. Lại từ Võ Duy Dương và Nguyễn Quang gồm 39 người, xin được theo phê bảo cho lập 1 đàn tế tự để an ủi vong linh người đã mất. Khoản này nếu được chuẩn y, xin để tinh thần Khánh Hòa chi xuất tiền công, mua sắm lễ, cùng với Phan Trung chọn ngày soạn bài văn lập đàn tế tự.

Châu phê: "Nay nhân tế tặng quan viên, truyền chọn ngày sắm đú lê phẩm, dùng lễ nghi trọng hậu tế những người tuân nghĩa ở Nam kỳ..."

Châu bản liên quan đến Lê Chất: số ký hiệu Tự Đức 381, tờ 16.

Dịch nghĩa:

"Nguyên coi toàn linh chiến tâm, tỉnh Định Tường được thưởng thụ Chánh đội trưởng suất đội, quyền sung quản toán là Lê Văn Chất bẩm rằng: viên ấy trước đây ở phủ Tân An, tỉnh

Gia Định. Năm Tự Đức thứ 13 (1860), Gia Định hữu sự, y được quan lãnh tinh Định Tường cấp bằng ra sức chiêu mộ được 50 người khỏe mạnh lập thành một đội theo tinh sai phái đánh dẹp giặc, được theo lệ thưởng thụ Chánh lực phẩm suất đội, lãnh một đạo sắc văn. Khi tinh ấy không giữ được, y lưu lạc trong dân, ngầm về chiêu tập đội cũ chứ không nản chí. Viên ấy đổi tên là Lê Văn Xán theo tinh Hà Tiên sai phái. Nay thừa lệnh kê khai.

Ngày mùng 4 tháng 2 năm Tự Đức thứ 19 (1866)

Lê Văn Chất ký
Viên chép tờ khai ký"

Hiện nay, Cục Văn thư Lưu trữ có chủ trương đưa tư liệu ra công chúng để phát huy giá trị của nó. Hy vọng trong tương lai gần, trong nước sẽ xuất hiện các công trình luận án tiến sĩ ngang tầm với các tác phẩm của *Li Tianan, Yoshihara Tsuboi, Choi Byung Wook...*

Văn hóa Việt Nam là văn hóa chữ Hán, với di sản Hán Nôm đồ sộ trong các kho lưu trữ, bị gãy khúc bởi cuộc xâm lăng và thống trị của thực dân Pháp cùng với sự xuất hiện chữ Pháp và chữ "quốc ngữ Latin". Sự gãy khúc này có nguy cơ đứt đoạn, nếu chúng ta không kịp thời đưa chữ Hán vào chương

trình giáo dục phổ thông, như ở Nhật và Hàn Quốc hiện nay; như ngay cả khi người Pháp còn thống trị nước ta; mở đường cho việc đào tạo đội ngũ chuyên viên am tường chữ Hán ở bậc đại học hay trên nữa. Như vậy, chúng ta mới có chìa khóa mở được kho tàng di sản văn hóa do tiền nhân lưu lại, mà không trông chờ người. ■

CHÚ THÍCH:

1. Bộ Nội Vụ, *Giới thiệu Cục Văn thư & Lưu trữ Nhà nước*, Hà Nội, 2017.

2. Ông sinh năm 1910 tại xã Phước Qua, tổng Cự Chánh, (nay thuộc huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế). Là con trai của Ngô Đình Khả, Thượng thư Bộ Lễ dưới triều vua Thành Thái. Sang Paris theo học tại trường Cố tự học Quốc gia (Ecole Nationale des Chartes), năm 1938 ông về nước, ông được bổ nhiệm Lưu trữ viên – Cố tự tại Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương ở Hà Nội.

3. Nguyễn Đình Đầu *Tổng kết nghiên cứu Địa bà Nam kỳ*, Nxb Tp.HCM, 1994, tr.39.

4. Nghiêm Ky Hồng *Khái quát về Lưu trữ Việt Nam Cộng Hòa* (1955-1975), <http://luutru.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=77df671b-b67c-404a-bc75-e7fa1867def8>

5. Nguyễn Đình Đầu (1994), sđd, 12.

6. Nt.

GIỚI THIỆU SÁCH

Từ ngày 15-7 đến 25-8-2018 tạp chí *Xưa& Nay* đã nhận các sách:

- Phạm Hy Tùng, *Vài câu chuyện về Vương Hồng Sển & Phùng Quán*, Nxb. Hồng Đức.

- Tôn Thất Thờ, *Theo dòng triều Nguyễn*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.

- Huỳnh Thiên Kim Bội, *Hiện đại Việt sử diễn ca*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.

- Phạm Dương Mỹ Thu Huyền, *Tôn Đức Thắng với phong trào công nhân Sài Gòn đầu thế kỷ XX đến năm 1930*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.

- Bảo tàng TP.HCM, *Ký vật thông tin thời kháng chiến*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.

Tạp chí *Xưa& Nay* xin cảm ơn các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

X&N